

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

S. D. N. O.
A. M. J. O.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	1.797.685.670.592	1.290.546.146.074
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	382.170.218.915	278.670.806.878
1. Tiền	111	302.570.218.915	263.170.806.878
2. Các khoản tương đương tiền	112	79.600.000.000	15.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	148.456.777.105	2.027.221.918
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	148.456.777.105	2.027.221.918
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	455.762.800.594	444.365.279.534
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	302.180.854.213	273.993.260.605
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	37.055.380.738	52.899.443.034
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	100.000.000.000	100.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	18.673.163.976	20.513.825.773
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(2.146.598.333)	(3.041.249.878)
IV. Hàng tồn kho	140	795.254.634.635	553.662.512.419
1. Hàng tồn kho	141	808.235.628.926	561.973.732.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(12.980.994.291)	(8.311.219.642)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	16.041.239.343	11.820.325.325
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.863.999.981	2.666.577.901
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	8.271.738.591	7.029.496.561
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.905.500.771	2.124.250.863
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	815.165.205.963	864.318.206.335
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	2.114.960.000	824.714.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	2.114.960.000	824.714.000
II. Tài sản cố định	220	733.567.094.214	767.788.543.772
1. TSCĐ hữu hình	221	516.936.261.218	546.870.342.573
- Nguyên giá	222	1.016.436.932.691	997.780.553.784
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(499.500.671.473)	(450.910.211.211)
2. TSCĐ vô hình	227	216.630.832.996	220.918.201.199
- Nguyên giá	228	270.869.435.393	270.614.585.343
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(54.238.602.397)	(49.696.384.144)
III. Bất động sản đầu tư	230	9.543.908.450	10.832.299.274
- Nguyên giá	231	14.808.361.147	14.808.361.147
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(5.264.452.697)	(3.976.061.873)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	10.580.075.582
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	10.580.075.582
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	26.061.735.380	26.061.735.380
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	26.061.735.380	26.061.735.380
VI. Tài sản dài hạn khác	260	43.877.507.919	48.230.838.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	34.046.102.492	31.382.086.850
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8.589.591.427	11.039.285.519
4. Tài sản dài hạn khác	268	1.241.814.000	
5. Lợi thế thương mại	269	-	5.809.465.958
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	2.612.850.876.555	2.154.864.352.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	952.902.336.297	634.219.457.983
I. Nợ ngắn hạn	310	920.330.154.664	601.584.763.565
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	80.185.124.485	121.338.285.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17.374.114.813	19.656.585.328
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	29.184.129.452	22.502.222.650
4. Phải trả người lao động	314	16.060.315.663	28.814.530.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	31.306.351.682	14.637.945.284
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	280.750.452	320.192.727
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	119.177.201.808	172.681.992.925
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	591.408.454.965	195.464.591.706
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	35.353.711.344	26.168.416.875
II. Nợ dài hạn	330	32.572.181.633	32.634.694.418
1. Phải trả dài hạn khác	337	1.234.188.800	1.273.495.800
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	31.337.992.833	31.361.198.618
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	1.659.948.540.258	1.520.644.894.426
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.659.948.540.258	1.520.644.894.426
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.869.880.000	175.869.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A	175.869.880.000	175.869.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	331.245.527.850	331.245.527.850
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	7.958.080.000	7.958.080.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(50.000.000)	(50.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	564.914.461.184	553.630.432.503
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	480.152.805.917	358.200.813.202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	253.919.282.041	162.068.312.500
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	226.233.523.876	196.132.500.702
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	429	99.857.785.307	93.790.160.871
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	2.612.850.876.555	2.154.864.352.409

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Lê Thành Chung



Nguyễn Thị Trà My

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý này		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	792.272.564.786	1.019.645.823.703	2.461.411.347.256	2.594.400.629.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	21.556.440.177	50.578.820.163	161.755.809.356	145.704.361.430
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	770.716.124.609	969.067.003.540	2.299.655.537.900	2.448.696.267.958
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	486.639.702.872	676.765.583.822	1.628.506.731.165	1.722.864.945.545
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	284.076.421.737	292.301.419.718	671.148.806.735	725.831.322.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.911.208.711	3.864.006.473	28.338.097.603	19.021.593.171
7. Chi phí tài chính	22	19.580.504.352	13.515.653.669	50.055.552.299	39.599.952.400
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	8.908.831.309	4.138.394.210	31.371.308.803	17.890.185.178
8. Chi phí bán hàng	25	75.468.972.685	94.231.297.790	204.999.731.033	235.713.205.972
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	68.851.951.737	72.733.212.721	164.881.057.920	196.309.837.839
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30	129.086.201.674	115.685.262.011	279.550.563.086	273.229.919.373
11. Thu nhập khác	31	5.252.179.348	1.271.150.049	8.277.150.445	2.037.976.150
12. Chi phí khác	32	153.911.842	(158.814.101)	1.594.111.479	3.209.973.053
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40	5.098.267.506	1.429.964.150	6.683.038.966	(1.171.996.903)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	134.184.469.180	117.115.226.161	286.233.602.052	272.057.922.470
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26.838.714.730	29.044.572.285	46.222.878.583	50.588.445.538
16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	(2.104.245.327)	(5.502.942.784)	1.920.075.701	(4.108.330.591)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	109.449.999.778	93.573.596.660	238.090.647.769	225.577.807.523

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý này		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	105.532.260.058	90.488.844.164	229.844.673.703	217.949.064.379
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	3.917.739.720	3.084.752.496	8.245.974.066	7.628.743.144
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.926	4.503	12.889	11.712
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Trà My

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	286.233.602.052	272.057.922.470
2	Điều chỉnh cho các khoản:	02		
	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thết thương mại phân bổ	03	69.645.365.927	80.708.186.129
	Dự phòng /(hoàn nhập dự phòng)	04	3.775.123.104	1.734.552.164
	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05	(1.303.056.106)	(3.398.981.285)
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	06	(20.557.384.110)	(14.287.388.825)
	Chi phí lãi vay	07	31.371.308.803	17.890.185.178
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	369.164.959.670	354.704.475.831
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.229.628.121)	(73.622.471.748)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(246.261.896.865)	(115.978.684.230)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(78.264.693.864)	(17.622.592.506)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.861.437.722)	2.776.625.156
	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
	Tiền lãi vay đã trả	14	(30.016.288.455)	(17.520.411.971)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.939.156.040)	(53.287.936.713)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.564.520.619)	(67.260.189.083)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(54.972.662.016)	12.188.814.736
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(34.345.817.572)	(92.193.970.635)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	819.000.000
3	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(146.429.555.187)	(2.027.221.918)
4	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	60.000.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.226.498.326	14.253.029.578
	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	(161.548.874.433)	(19.149.162.975)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ đi vay	33	1.872.593.935.570	1.024.541.083.253
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.476.650.072.311)	(1.144.898.071.769)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát	36	(71.681.276.600)	(73.367.170.310)
	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	40	324.262.586.659	(193.724.158.826)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

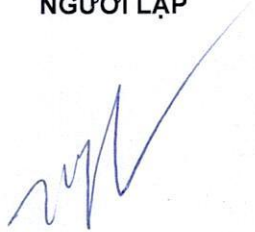
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	107.741.050.210	(200.684.507.065)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	278.670.806.878	478.493.214.743
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.241.638.173)	862.099.200
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	382.170.218.915	278.670.806.878

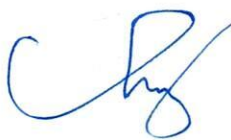
Ngày 28 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Trà My

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 17 với mã số 0101449271 do Sở Tài Chính Tp Hà Nội cấp ngày 06 tháng 11 năm 2025.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính :Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc

Địa chỉ (cập nhật theo địa bàn hành chính mới)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Thôn Lý Yên, Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Thôn Phong Lôi Đông, Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Số 7, đường Trần Nhật Duật, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thôn 4, Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	thôn Trại Giống, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Xóm 5, thôn Bình Dân, Xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung Ương	thôn Trại Giống, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Số 211 Đường Bà Thiên, Ấp 5, Xã Nhuận Đức, TP Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	350 tiểu khu Trần Phú, Xã Thường Tín, TP Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội	53,80%	53,80%	Phường Phú Lương, TP. Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Phường Điện Bàn Bắc, TP Đà Nẵng.	Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp; vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
5	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam (*)	98,92%	100%	Xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến nông sản và hạt giống cây trồng
6	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam (**)	98,92%	100%	Xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và KD nông sản

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ gián tiếp công ty con này qua công ty con Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam.

- Tại ngày 31/12/2025 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 643 người.
- **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 29 tháng 09 năm 2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam – công ty con gián tiếp qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, đã nhận Quyết định số 18/2025/QĐ-TBPS Tuyên bố doanh nghiệp phá sản từ tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Trà My	- Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/02/2025)
Bà Trần Kim Liên	- Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/02/2025)
	- Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 16/04/2025)
Bà Lê Thị Lệ Hằng	- Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Trường	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 10/06/2025)
Bà Nguyễn Ngọc Anh	- Thành viên HĐQT độc lập
Ông Trần Đình Long	- Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Trung Dũng	- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)

➤ BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Anh Tuấn	- Trưởng ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	- Thành viên
Bà Văn Thị Ngọc Ánh	- Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)
Ông Lương Ngọc Thái	- Thành viên (miễn nhiệm ngày 16/04/2025)

➤ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trần Trương Tấn Tài	- Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/05/2025)
Ông Nguyễn Quang Trường	- Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 10/06/2025)
Ông Phạm Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/08/2025)
Ông Dương Quang Sáu	- Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Văn Vinh	- Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/08/2025)
Ông Phan Thế Tỷ	- Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/10/2025)
Ông Nguyễn Đình Trung	- Phó Tổng giám đốc (nghỉ hưu 24/06/2025)
Ông Nguyễn Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)
Bà Nguyễn Thị Hải Hưng	- Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/07/2025)
	- Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 12/09/2025)
Ông Lương Ngọc Thái	- Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm 17/04/2025)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH.

1. Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.
3. Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

III. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2014 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Ước tính kế toán: Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Các khoản cho vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được công ty được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

e. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

f. Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và trang thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định vô hình	
Bản quyền, bằng sáng chế	5 - 20
Phần mềm máy tính	5 - 6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tài sản cố định khác

15

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

9. Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty đều là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng hạ tầng tại Hà Nam, chi phí hợp tác đầu tư, chi phí sửa chữa, cải tạo và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam chi phí này sẽ được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất (Công ty được miễn tiền thuê đất 12 năm 5 tháng, từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 5 năm 2032). Chi phí này được phân bổ theo thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064.

Chi phí hợp tác đầu tư thể hiện khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam - công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam. Căn cứ theo hợp đồng, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện của Dự án là 20 năm. Công ty được phân chia 25% lợi nhuận từ dự án này. Chi phí đầu tư cho dự án được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện dự án.

Chi phí sửa chữa, cải tạo là các chi phí dùng bảo dưỡng, thay thế những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại trạng thái ban đầu của tài sản đảm bảo quá trình sản xuất liên tục.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị bao bì, tem nhãn, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này công ty phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

19. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng cho công nhân viên, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng.

22. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Năm 2025 công ty áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%.

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

26. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam; Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam; Công ty CP đầu tư và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam; Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.
- Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.
- Công ty liên kết là một công ty và công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Tiền mặt	1.351.402.902	3.196.315.214
Tiền gửi ngân hàng	301.218.816.013	259.974.491.664
Các khoản tương đương tiền (*)	79.600.000.000	15.500.000.000
Cộng	382.170.218.915	278.670.806.878

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	92.500.000.000	2.027.221.918
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55.956.777.105	-
Cộng	148.456.777.105	2.027.221.918

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (*)	194.126	19,49%	194.126	19,49%

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed	26.061.735.380	-	(*)	26.061.735.380	-	(*)

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP DVTM	57.576.787.234	54.818.929.875
Tổng hợp Vincommerce		
Cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	46.996.000.000	
Phải thu khách hàng khác	197.608.066.979	219.174.330.730
Cộng	302.180.854.213	273.993.260.605
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.146.598.333)	(3.041.249.878)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Trả trước cho nhà thầu	2.004.619.832	2.055.675.014
CÔNG TY TNHH MTV CƠ ĐIỆN VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HTG	-	445.797.391
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT XÂY DỰNG ZEN-D	-	537.779.623
Công ty CP M&E Đông Dương	-	668.690.000
Công ty CP kiến trúc và xây dựng ICAD Việt Nam	2.004.619.832	-
<i>Trả trước cho nhà thầu khác</i>	-	403.408.000
Trả trước cho các người bán	35.050.760.906	50.843.768.020
Nguyễn Văn Thông	2.287.663.993	-
Công ty TNHH MTV Huỳnh Dư	-	1.663.200.000
Trần Văn Cư	-	4.409.479.575
Trả trước cho nhà cung cấp khác	32.763.096.913	44.771.088.445
Cộng	37.055.380.738	52.899.443.034

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi	1.343.989.892	-	1.775.843.834	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.041.851.353	-	2.080.211.943	-
BHXH, KPCĐ	218.398.745	-	328.449.461	-
Thù lao HĐQT BKS	748.674.000	-	3.676.935.450	-
Khoán 01	187.441.503	-	251.110.928	-
Chi phí giải phóng mặt bằng	2.114.960.000	-	2.114.960.000	-
Phải thu khác	11.017.848.483	-	10.286.314.151	-
Cộng	18.673.163.976		20.513.825.773	

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
Khách hàng khác	2.146.598.333	-	3.041.249.878	-
Cộng	2.146.598.333		3.041.249.878	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	70.336.540.737	2.229.861.489	80.001.744.621	1.877.039.879
Công cụ, dụng cụ	1.834.689.731	-	1.992.846.139	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.345.527.465	-	5.279.556.347	-
Thành phẩm	729.093.674.321	10.680.709.510	471.430.476.019	6.392.910.411
Hàng hoá	3.625.196.672	70.423.292	3.269.108.935	41.269.352
Cộng	808.235.628.926	12.980.994.291	561.973.732.061	8.311.219.642

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Chi phí cải tạo và sửa chữa	-	5.140.375.124
Chi phí phát triển các phần mềm	-	1.381.009.000
Dự án khác		4.058.691.458
Cộng		10.580.075.582

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	571.047.480.433	346.489.886.215	63.528.412.112	7.623.069.809	9.091.705.215	997.780.553.784
Tăng trong năm	1.335.284.783	23.713.259.871	730.180.493	264.173.000	7.720.647.492	33.763.545.639
Thanh lý						-
Tăng/giảm khác	(497.761.034)	(7.974.461.220)	(6.634.944.478)	-	-	(15.107.166.732)
Số dư cuối năm	571.885.004.182	362.228.684.866	57.623.648.127	7.887.242.809	16.812.352.707	1.016.436.932.691
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	218.273.027.207	182.288.025.424	38.576.535.354	6.865.471.507	4.907.151.719	450.910.211.211
Khấu hao trong năm	25.169.786.142	27.230.737.513	4.170.499.692	193.430.315	1.240.837.230	58.005.290.892
Thanh lý						-
Tăng/giảm khác	(497.761.034)	(8.078.810.179)	(838.259.417)	-	-	(9.414.830.630)
Số dư cuối năm	242.945.052.315	201.439.952.758	41.908.775.629	7.058.901.822	6.147.988.949	499.500.671.473
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	352.774.453.226	164.201.860.791	24.951.876.758	757.598.302	4.184.553.496	546.870.342.573
Số dư cuối năm	328.939.951.867	160.788.732.108	15.714.872.498	828.340.987	10.664.363.758	516.936.261.218
IV. Tài sản hết giá trị khấu hao vẫn sử dụng	99.255.318.781	91.932.691.719	26.342.630.230	5.319.592.172	3.490.580.283	226.340.813.185

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Nội dung	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	67.644.953.560	31.237.850.000	11.442.600.774	4.274.560.920	270.614.585.343
Tăng trong năm	-	-	-	-	254.850.050	254.850.050
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.644.953.560	31.237.850.000	11.442.600.774	4.529.410.970	270.869.435.393
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	22.628.773.953	19.231.415.867	6.115.746.026	1.720.448.298	49.696.384.144
Khấu hao trong năm	-	545.933.632	1.765.906.851	1.877.668.568	352.709.202	4.542.218.253
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	23.174.707.585	20.997.322.718	7.993.414.594	2.073.157.500	54.238.602.397
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	45.016.179.607	12.006.434.133	5.326.854.748	2.554.112.622	220.918.201.199
Số dư cuối năm	156.014.620.089	44.470.245.975	10.240.527.282	3.449.186.180	2.456.253.470	216.630.832.996
IV. Tài sản hết giá trị khấu hao vẫn sử dụng		1.629.311.770	16.411.850.000	4.564.300.824		22.605.462.594

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

**Nhà cửa,
vật kiến trúc****Nguyên giá:**

Số đầu năm 14.808.361.147

Tăng trong năm -

Số cuối năm 14.808.361.147

Trong đó:

Đã khấu hao hết 1.985.661.793

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm 3.976.061.873

Tăng trong năm 1.288.390.824

Số cuối năm 5.264.452.697

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 10.832.299.274

Số cuối năm 9.543.908.450

12. Chi phí trả trước**Số cuối kỳ
(VND)****Số đầu kỳ
(VND)****a. Ngắn hạn**

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng 539.672.579 1.426.165.657

Chi phí sửa chữa, cải tạo 961.218.751 553.067.154

Chi phí chờ phân bổ 1.568.976.257 200.058.676

Khác 794.132.394 487.286.414

Cộng 3.863.999.981 2.666.577.901**b. Chi phí dài hạn**

Chi phí sửa chữa, cải tạo 6.767.165.175 6.463.564.212

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng 8.761.331.842 11.038.314.102

Chi phí hợp tác đầu tư 5.307.136.830 5.692.571.352

Công cụ, dụng cụ 6.800.735.231 4.426.483.516

Tiền thuê đất 3.915.640.050 3.012.660.691

Khác 2.494.093.364 748.492.977

Cộng 34.046.102.492 31.382.086.850

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Lợi thế thương mại**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	255.037.265.488	26.557.087.281	1.911.006.045	226.569.172.162
Tăng trong năm	5.809.465.958	-	-	5.809.465.958
Số dư cuối năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.809.465.958	-	-	5.809.465.958
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	591.408.454.965	591.408.454.965	1.872.593.935.570	1.476.650.072.311	195.464.591.706	195.464.591.706
Vay ngân hàng ngắn hạn	591.408.454.965	591.408.454.965	1.872.593.935.570	1.476.650.072.311	195.464.591.706	195.464.591.706
TỔNG CỘNG	591.408.454.965	591.408.454.965	1.872.593.935.570	1.476.650.072.311	195.464.591.706	195.464.591.706

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:**

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Công ty vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	206.580.970.247	Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thế chấp cổ phiếu SSC
Ngân hàng CTBC	144.996.500.000	Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Tín chấp
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long	135.876.384.632	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam	- Bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang của Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam với toàn bộ nghĩa vụ gốc và lãi, tối đa 100 tỷ VND và của công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam với toàn bộ nghĩa vụ gốc và lãi, tối đa 100 tỷ VND. - Thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị Trung tâm công nghệ chế biến hạt giống và nông sản vữa Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam. - Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ /quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng thương mại của Công ty.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	37.671.319.560	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	Tài sản máy móc, nhà xưởng, hàng hóa
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	32.191.659.515	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	Tài sản máy móc, nhà xưởng, hàng hóa
Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh Phạm Hùng	21.447.246.695	Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	12.644.374.316	Công ty CP Giống cây trồng Trung Ương Quảng Nam	Tài sản máy móc, nhà xưởng, hàng hóa
TỔNG CỘNG	591.408.454.965		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu	536.310.674	536.310.674	1.347.753.248	1.347.753.248
Phải trả người bán	79.648.813.811	79.648.813.811	119.990.532.558	119.990.532.558
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	33.599.160.113	33.599.160.113	65.078.509.292	65.078.509.292
- Phải trả người bán khác	46.049.653.698	46.049.653.698	54.912.023.266	54.912.023.266
Cộng	80.185.124.485	80.185.124.485	121.338.285.806	121.338.285.806

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Công ty TNHH thương mại dịch vụ nông nghiệp thủy sản Anh Thoại	1.401.800.000	1.540.893.491
Phạm Ngọc Minh	1.843.466.250	2.730.715.000
Người mua trả tiền trước	14.128.848.563	15.384.976.837
CỘNG	17.374.114.813	19.656.585.328

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	31.306.351.682	14.637.945.284
Chi phí lãi vay	82.004.417	101.095.890
Chiết khấu thương mại, thanh toán	23.561.121.342	-
Chi phí mua bản quyền	100.000.000	1.334.365.100
Chi phí tiền thuê đất	-	6.457.217.824
Chi phí phải trả khác	7.563.225.923	6.745.266.470
b Phải trả dài hạn	32.572.181.633	32.634.694.418
Phải trả dài hạn khác	1.234.188.800	1.273.495.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.337.992.833	31.361.198.618

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước****Thuế phải thu**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.565.065	-	804.834.955	824.400.020
Thuế thu nhập cá nhân	2.104.685.798	-	825.190.332	2.929.876.130
Thuế khác	-	4.576.484	155.801.105	151.224.621
TỔNG CỘNG	2.124.250.863	4.576.484	1.785.826.392	3.905.500.771

Thuế phải trả

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	1.022.564.236	32.209.075.553	31.727.165.939	1.504.473.850
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.693.213.421	50.700.303.876	43.980.470.652	27.413.046.645
Thuế thu nhập cá nhân	405.058.445	22.171.598.269	22.295.895.048	280.761.666
Thuế khác	381.386.548	7.767.633.845	8.163.173.102	(14.152.709)
TỔNG CỘNG	22.502.222.650	112.848.611.543	106.166.704.741	29.184.129.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Cổ tức phải trả	235.375.375	35.280.009.375
Lãi vay phải trả	2.209.700.091	791.870.154
Tiền trợ cấp mất việc làm và phải trả CBCNV đã nộp thuế	7.923.421.925	11.971.547.512
Hỗ trợ công tác xã hội	3.040.000.000	3.040.000.000
Phải trả CKTM, HTVC, thưởng cho khách hàng (***)	-	16.761.970.785
CTY CỔ PHẦN DAEWON CANTAVIL (*)	23.816.250.000	23.816.250.000
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL (**)	76.183.750.000	76.183.750.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.768.704.417	4.836.595.099
Cộng	119.177.201.808	172.681.992.925

(*) Phản ánh khoản được các đối tác trả trước cho Công ty SSC theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các bên liên quan đang trong quá trình đàm phán điều chỉnh nội dung của các hợp đồng.

(**) Phản ánh giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của Công ty SSC (mặc dù Công ty SSC chưa yêu cầu và cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận số tiền này). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng góp vốn chưa được hoàn thành.

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Doanh thu nhận trước ngắn hạn	-	-
Doanh thu nhận trước dài hạn	1.234.188.800	1.273.495.800
Cộng	1.234.188.800	1.273.495.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu:**

ĐVT: VND

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000		331.245.527.850	(50.000.000)	509.428.844.839	339.877.961.131	89.762.952.222	1.446.135.166.042
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	217.949.064.379	7.628.743.144	225.577.807.523
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	81.164.985.732	(81.164.985.732)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(41.021.364.673)	(761.607.751)	(41.782.972.424)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(70.298.064.000)	(2.219.199.000)	(72.517.263.000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(4.871.742.158)	(463.632.357)	(5.335.374.515)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu		7.958.080.000	-	-	(7.023.803.868)	(934.276.132)	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(29.939.594.200)			(29.939.594.200)
Tặng/Giam khác	-	-	-	-	-	(1.335.779.613)	(157.095.387)	(1.492.875.000)
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	553.630.432.503	358.200.813.202	93.790.160.871	1.520.644.894.426

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	553.630.432.503	358.200.813.202	93.790.160.871	1.520.644.894.426
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	229.844.673.703	8.245.974.066	238.090.647.769
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	37.584.167.788	(37.584.167.788)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(24.930.630.959)	(605.657.865)	(25.536.288.824)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(35.149.032.000)	(1.452.846.000)	(36.601.878.000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(4.026.683.270)	(462.828.756)	(4.489.512.026)
Trích quỹ trách nhiệm xã hội	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(26.300.139.107)	-	-	(26.300.139.107)
Tăng/Giam khác	-	-	-	-	-	(1.202.166.971)	342.982.991	(859.183.980)
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	564.914.461.184	480.152.805.917	99.857.785.307	1.659.948.540.258

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	34.958.090.000	34.958.090.000
- Cổ phiếu quỹ	124.720.000	124.720.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000

d. Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	30%-40%	40%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**f. Quỹ đầu tư phát triển**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Số dư đầu năm	553.630.432.503	509.428.844.839
Trích lập trong năm	37.584.167.788	81.164.985.732
Sử dụng trong năm	26.300.139.107	36.963.398.068
Số dư cuối năm	564.914.461.184	553.630.432.503

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ hoạt động nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và phát triển kinh doanh của Công ty.

8. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a, Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b, Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	58.017.150.000	105.437.845.219
c, Ngoại tệ các loại:	-	
- Đô la Mỹ (USD)	2.782.162,24	1.137.404,70
- Euro (EURO)	11.674,92	11.660,15
- Nhân dân tệ (CNY)	71.876,21	80.316,21
d, Nợ khó đòi đã xử lý	11.547.556.119	11.112.933.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Doanh thu bán hàng	2.426.361.121.643	2.579.627.776.787
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.050.225.613	14.772.852.601
Cộng	2.461.411.347.256	2.594.400.629.388

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chiết khấu thương mại	30.166.630.876	43.288.891.243
Giảm giá hàng bán	549.889.010	71.380.000
Hàng bán bị trả lại	131.039.289.470	102.344.090.187
Cộng	161.755.809.356	145.704.361.430

3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.633.486.410.236	1.722.395.128.593
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho thuần	(4.979.679.071)	469.816.952
Cộng	1.628.506.731.165	1.722.864.945.545

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.404.149.535	11.598.384.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.927.060.000	1.941.260.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.630.324.110	4.928.612.038
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.376.563.958	553.336.416
Cộng	28.338.097.603	19.021.593.171

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí lãi vay	31.371.308.803	17.890.185.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.290.502.849	1.971.949.553
Chiết khấu thanh toán	15.393.740.647	19.737.817.669
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	
Cộng	50.055.552.299	39.599.952.400

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
a. Chi phí bán hàng	204.999.731.033	235.713.205.972
Chi phí nhân viên	31.897.372.155	44.283.230.649
Chi phí mua ngoài	47.424.132.011	64.430.157.405
Chi phí khấu hao	6.781.834.502	6.337.800.157
Các khoản chi phí bán hàng khác	118.896.392.365	120.662.017.761
b. Chi phí quản lý	164.881.057.920	196.309.837.839
Chi phí nhân viên	70.197.132.671	92.444.190.494
Chi phí khấu hao	12.793.346.133	12.851.302.801
Các khoản chi phí QLDN khác	76.081.113.158	67.726.073.890
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	5.809.465.958	23.288.270.654

7. Lợi nhuận khác

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Thu nhập khác	8.277.150.445	2.037.976.150
Thu nhập từ bồi thường	79.261.600	135.682.403
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.735.909.091	355.700.000
Thu nhập khác	3.461.979.754	1.546.593.747
Chi phí khác	1.594.111.479	3.209.973.053
Chi phí phạt	693.123.462	
Chi phí khác	900.988.017	3.209.973.053
Cộng	6.683.038.966	(1.171.996.903)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.578.117.609.076	1.701.908.929.734
Chi phí nhân công	147.791.273.313	219.853.461.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.116.871.211	77.409.630.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.109.761.958	190.504.175.884
Chi phí bằng tiền khác	99.629.928.672	68.903.817.724
Cộng	2.045.765.444.230	2.258.580.015.401

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	46.222.878.583	50.588.445.538
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	1.920.075.701	(4.108.330.591)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	229.844.673.703	217.949.064.379
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS (VND)	(3.318.015.037)	(12.121.873.568)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	226.526.658.666	205.827.190.811
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.574.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	12.889	11.712

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.872.593.935.570	873.005.610.302
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.476.650.072.311	765.228.908.597
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Lợi nhuận sau thuế**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Lợi nhuận sau thuế	109.449.999.778	93.573.596.660
Cộng	109.449.999.778	93.573.596.660

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2025 tăng 16,97% so với quý 4 năm 2024, công ty tăng cường quản trị chi phí đầu vào, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh lợi nhuận tăng so với cùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**2. Các giao dịch với các bên liên quan****2.1. Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ như sau:**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
2	Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn
4	Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn
5	Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

2.2. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/02/2025)
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/02/2025). Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 16/04/2025)
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 10/06/2025)
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)
Ông Trần Trương Tấn Tài	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/05/2025)
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc soát (miễn nhiệm ngày 05/08/2025)
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Vinh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/08/2025)
Ông Phan Thế Tý	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/10/2025)
Ông Nguyễn Đình Trung	Phó Tổng giám đốc (nghỉ hưu 24/06/2025)
Bà Nguyễn Thị Hải Hưng	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/07/2025, từ nhiệm ngày 12/09/2025)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Văn Thị Ngọc Ánh	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2025). Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm 17/04/2025)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	28.157.414.000	56.314.828.000
		Cổ tức đã trả	56.314.828.000	56.314.828.000
		Thanh toán tiền hợp tác kinh doanh	-	640.000.000
		Bán hàng	1.411.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Lãi vay đã nhận	5.127.397.259	5.013.698.628
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	421.490.000	376.152.728
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	188.221.905	560.535.000
Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.997.332.464	2.642.480.500
		Bán hàng	232.139.250	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	-	28.157.414.000
Phải thu				
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Phải thu về cho vay	100.000.000.000	100.000.000.000
	Công ty mẹ tối cao	Phải thu lãi cho vay	1.661.643.836	1.671.232.876
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Ứng trước tiền hợp tác kinh doanh	-	320.000.000
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	103.442.000	-
Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả người bán ngắn hạn	389.877.560	201.264.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Các giao dịch với các bên liên quan khác****Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm:**

Đơn vị tính: VND

	<i>Chức vụ</i>	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND) (Trình bày lại)
THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		2.280.393.000	1.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT	1.146.000.000	250.000.000
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm TVHĐQT ngày 16/04/2025)	95.703.000	250.000.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT độc lập	250.000.000	250.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT độc lập	250.000.000	250.000.000
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT độc lập	250.000.000	250.000.000
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, TGD	173.611.000	250.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGD (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	115.079.000	
THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		296.826.000	300.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	100.000.000	100.000.000
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát	100.000.000	100.000.000
Bà Văn Thị Ánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)	46.032.000	
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	50.794.000	100.000.000
THU NHẬP BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		10.039.094.196	11.147.283.936
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm TVHĐQT ngày 16/04/2025)	1.233.500.000	1.834.000.000
Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm TVHĐQT ngày 10/06/2025)	2.507.989.333	2.976.560.000
Các thành viên ban điều hành	Chủ tịch điều hành, Phó TGD, GĐTC, KTT	6.297.604.863	6.336.723.936

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**3. Các cam kết****Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Đến 1 năm	4.506.094.009	4.351.709.926
Trên 1 – 5 năm	11.648.613.912	11.163.011.788
Trên 5 năm	61.975.441.771	57.868.589.824
Cộng	78.130.149.692	73.383.311.538

4. Các sự kiện phát sinh sau kỳ quyết toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

5. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Trà My